

Số: 32 /2023/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3056/TTr-SNV ngày 24 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng đơn vị thành viên thuộc các cụm thi đua, khối thi đua trên địa bàn tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, KGVXNV.Trâm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Anh Dũng

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Kèm theo Quyết định số 32 /2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng
12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm trong công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam cư trú trong và ngoài tỉnh; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích tiêu biểu xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ THẨM QUYỀN

Điều 4. Tổ chức thực hiện các hình thức thi đua

1. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên mang tính toàn diện, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm của đơn vị thành viên thuộc các cụm thi đua, khối thi đua trên địa bàn tỉnh, cụm thi đua, khối thi đua (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị). Ngay từ đầu năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, xây dựng nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thi đua và tổ chức ký kết, giao ước thi đua cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức sơ kết 06 tháng đầu năm và tổng kết năm.

2. Thi đua theo chuyên đề: Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác

định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề trong toàn ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua, nội dung, tiêu chí khen thưởng về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để phối hợp, theo dõi và hướng dẫn xét khen thưởng theo đúng quy định.

3. Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt, tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua.

a) Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ trì phát động phong trào thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 6. Các Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

a) Cờ thi đua của UBND tỉnh.

b) Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.

c) Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

a) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

b) Chiến sĩ thi đua cơ sở.

c) Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh.

b) Đơn vị dẫn đầu các khối thi đua các cơ quan, đơn vị trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố.

c) Đơn vị dẫn đầu các cụm xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố.

d) Đơn vị dẫn đầu các ngành: Y tế, nông nghiệp và phát triển Nông thôn, giáo dục và đào tạo, công an, quân sự, biên phòng.

đ) Đơn vị dẫn đầu Khối thi đua các trường học: Mầm non, tiểu học, trung học

cơ sở (mỗi cấp học được xét đề nghị 01 Cờ thi đua của UBND tỉnh) thuộc ngành giáo dục và đào tạo tại các huyện, thị xã, thành phố.

2. Việc xem xét tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua để xét đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua hàng năm. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được suy tôn đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm; là các tập thể có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, được cụm thi đua, khối thi đua suy tôn. Có 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới trong các phong trào thi đua.

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại tốt trong tất cả các nội dung sau: Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, cơ quan đạt chuẩn văn hóa, chuẩn an ninh trật tự và tổ chức Đảng, các đoàn thể (nếu có) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

3. Việc xem xét đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” cho tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do UBND tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được suy tôn đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong các trường hợp đặc biệt theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về tính chính xác của kết quả chấm điểm đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và phong trào thi đua yêu nước đối với đơn vị do mình đề nghị.

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét cho đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh; đối với các hội đoàn thể cấp tỉnh không có phòng, ban trực thuộc thì xét tặng cho cơ quan thường trực.

c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét cho các phòng, ban, đơn vị tương đương trực thuộc cấp huyện; quỹ tín dụng nhân dân; UBND cấp xã.

d) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét cho các xí nghiệp, trường

học, bệnh viện và các đơn vị có cấu thành tổ chức bên trong.

đ) Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” được xét cho ban bảo vệ dân phố.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, đối tượng được xét đề nghị “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” phải được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại tốt trong tất cả các nội dung sau: Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, cơ quan đạt chuẩn văn hóa, chuẩn an ninh trật tự và tổ chức Đảng, các đoàn thể (nếu có) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

3. Các đối tượng được xét đề nghị danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” phải bảo đảm tỷ lệ % như sau:

- Đối tượng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, có 100% tập thể phòng, ban, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và có 30% tập thể phòng, ban, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

- Riêng đối UBND cấp huyện có 70% trở lên trên tổng số phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và có 30% tập thể phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

- Đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này, trừ điểm a, khi xem xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cần lựa chọn không quá 40% trên tổng số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh; tập thể của đơn vị trực thuộc đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh.

b) Các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; UBND cấp xã.

c) Các đơn vị sự nghiệp như: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như: Khoa, phòng, trạm y tế.

d) Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp như: Xí nghiệp, phòng, phân xưởng và tương đương.

đ) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét cho ban bảo vệ dân phố.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định, đối tượng được đề nghị xét “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” phải được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại tốt trong tất cả các nội dung sau: Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, cơ quan đạt chuẩn văn hóa, chuẩn an ninh trật tự và tổ chức Đảng, các đoàn thể (nếu có) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét hàng năm để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định, đối tượng được đề nghị xét, danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện tốt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

b) Có đạo đức, lối sống lành mạnh, được mọi người tín nhiệm.

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ.

d) Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Hình thức khen thưởng

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Giấy khen của thủ trưởng đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh; giấy khen của chủ tịch UBND cấp xã.
3. Hình thức khen thưởng được xét tặng khi kết thúc năm công tác, kết thúc một chuyên đề thi đua hoặc một đợt thi đua, khen thưởng đột xuất, khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 15. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Một số trường hợp khác được xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (khen thưởng chuyên đề): Tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng chuyên đề hoặc phong trào thi đua do tỉnh phát động hoặc các chuyên đề có tính đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị được UBND tỉnh ủy quyền phát động. Mỗi chuyên đề hoặc phong trào thi đua tùy theo thời gian, quy mô để xem xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng với số lượng cho phù hợp.

- Đối với các chuyên đề khi sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và các chuyên đề hoặc phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động từ 01 năm đến dưới 03 năm hoặc các phong trào thi đua do cơ quan, tổ chức, đơn vị được UBND tỉnh ủy quyền phát động thì khi sơ kết hoặc tổng kết, số lượng đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể và 10 cá nhân, ưu tiên khen thưởng đối với đơn vị cơ sở và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện.

- Đối với các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động có thời gian từ 03 năm trở lên đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể và 30 cá nhân. Ưu tiên khen thưởng đơn vị cơ sở, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua, người dân tộc thiểu số, biển đảo, miền núi, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo, trực tiếp tham gia thực hiện.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể đạt thành tích xuất sắc về Nhì trong các cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh; các cụm thi đua, khối thi đua thuộc các đơn vị thành viên thuộc cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh phải được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại tốt trong tất cả các nội dung sau: Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, cơ quan đạt chuẩn văn hóa, chuẩn an ninh trật tự và tổ chức Đảng, các đoàn thể (nếu có) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Đối với cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh:

+ Cụm thi đua: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 02 Bằng khen cho các đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

+ Các khối thi đua có dưới 07 đơn vị thành viên: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 01 Bằng khen cho đơn vị thành viên hạng Nhì.

+ Các khối thi đua có từ 07 đến 10 đơn vị thành viên: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 02 Bằng khen cho đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

+ Các khối thi đua có từ 11 đến 15 đơn vị thành viên: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 03 Bằng khen cho đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

+ Các khối thi đua có trên 15 đơn vị thành viên: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 04 Bằng khen cho đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

+ Các sở, ngành có tổ chức khối thi đua: Hàng năm suy tôn, xét đề nghị tặng 02 Bằng khen cho đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

- Đối với cụm thi đua các xã, phường, thị trấn; khối thi đua các cơ quan, đơn vị, ban, ngành thuộc UBND cấp huyện và khối thi đua các trường học thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Hàng năm, mỗi cụm thi đua, khối thi đua suy tôn, xét đề nghị tặng 02 Bằng khen cho đơn vị thành viên đồng hạng Nhì.

c) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân có thành tích đóng góp vào sự phát triển của ngành thuộc lĩnh vực công tác, được cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và được hưởng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ hệ số 0,6 trở lên, đã đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ nhà nước (không thuộc đối tượng khen thưởng có quá trình cống hiến theo quy định của Chính phủ), trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý không bị kỷ luật về mặt Đảng, chính quyền từ hình thức cảnh cáo trở lên, trường hợp này không áp dụng cho lực lượng vũ trang.

d) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải (trừ giải khuyến khích) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc tế, quốc gia do Trung ương tổ chức và giải Nhất cấp tỉnh.

đ) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn; dũng cảm đấu tranh phòng, chống các tội phạm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được cơ quan, tổ chức, đơn vị, ghi nhận, bình xét, suy tôn và đề nghị khen thưởng.

e) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh Bình Thuận.

g) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu hàng năm, khen thưởng cho các nghệ nhân, thợ giỏi, người có công phục hồi nghề và người đưa nghề mới về địa phương thực hiện theo Quy chế riêng của UBND tỉnh về xét khen thưởng đối với từng loại hình.

h) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào các Quỹ của tỉnh như: Vì người nghèo, phòng chống thiên tai, từ thiện, nhân đạo, tiếp bước đến trường... có giá trị từ 70 triệu đồng trở lên.

i) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân có sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần giảm kinh phí, chi phí thời gian, quy trình thực hiện của người dân, doanh nghiệp và của cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị góp phần phát triển kinh tế - xã hội có phạm vi ảnh hưởng ở cơ sở và có đóng góp tích cực trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

k) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho nông dân có mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định được nhân rộng, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động được địa phương ghi nhận.

l) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng hộ gia đình có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

Điều 16. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Giấy khen tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức và thực hiện tốt các phong trào thi đua.

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, đấu tranh phòng, chống các tội phạm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cải cách hành chính, chuyển đổi số.

d) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tập thể.

3. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân (theo chuyên đề) đạt thành tích, tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các phong trào thi đua, cuộc vận động, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các đoàn thể chính trị - xã hội do các cấp, các ngành tổ chức phát động. Khen thưởng các đơn vị xuất sắc trong các cụm thi đua, khối thi đua; ban đại

diện cha mẹ học sinh; các tập thể, cá nhân đạt giải trong các hội thi, hội diễn; gương người tốt, việc tốt...

4. Giấy khen xã đề tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, được nhân dân địa phương nơi cư trú tín nhiệm, giới thiệu đề chính quyền địa phương bình xét, suy tôn và đề nghị khen thưởng.

5. Giấy khen tặng cho các tập thể, cá nhân ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành tích trong đóng góp về công sức, sản xuất, đất đai, tài sản... cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.

6. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của Nhân dân và của nhà nước; dũng cảm đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điều 17. Thời gian trình hồ sơ

1. Thời gian để tính kết thúc việc thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm làm căn cứ đánh giá và tính kết quả bình xét thi đua, khen thưởng là ngày 31 tháng 12 hàng năm.

a) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết năm) kể cả hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc các huyện, thị xã, thành phố, gửi về UBND tỉnh (gửi trực tuyến qua Trung tâm Hành chính công tỉnh) trước ngày 30 tháng 01 hàng năm. Hồ sơ đề nghị khen thưởng hệ thống giáo dục và đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

b) Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu, khen thưởng chuyên đề gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày (tính ngày làm việc), trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen và Huân chương Lao động các hạng, hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm, kể cả hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc các huyện, thị xã, thành phố. Riêng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc” trước ngày 30 tháng 8 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 9 hàng năm (kể cả Cờ thi đua của Chính phủ).

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng phải có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, biết.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ;
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ, HỘ GIA ĐÌNH
TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng.
2. Một số quy định khác

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền quản lý.

a) Căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, giai đoạn của tỉnh và nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tổ chức phát động, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong toàn cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng các biện pháp, giải pháp hữu hiệu, thiết thực ở các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

b) Chủ động phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm hay, sáng tạo trong các phong trào thi đua, tạo không khí thi đua sôi nổi rộng khắp trong các tầng lớp Nhân dân; chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, cá nhân có thành tích đột xuất, các trường hợp dũng cảm cứu người, cứu tài sản... khen thưởng phải đúng người, đúng việc, đúng thành tích kết quả đạt được, chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

c) Phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, cách làm hay hiệu quả, mô hình mới...

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh

và Chủ tịch UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

2. Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung và tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu các báo cáo sơ kết, tổng kết, đề xuất đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

d) Thẩm định, lập thủ tục các hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

đ) Giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

e) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm thi đua, khối thi đua thuộc tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và ngành có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức và hoạt động cụm thi đua, khối thi đua do huyện, ngành tổ chức.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 21. Các quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 86 và Điều 87 Luật Thi đua, khen thưởng. Ngoài ra, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

a) Được tham gia các phong trào thi đua do các cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cư trú phát động.

b) Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

c) Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, hộ gia đình có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

d) Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

đ) Có quyền từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng.

2. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cư trú trong công tác thi đua, khen thưởng.

b) Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Áp dụng quy định có liên quan

1. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại Quy chế này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng Quy chế thực hiện các hình thức khen thưởng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác do Bộ, ngành Trung ương quy định đối với các cơ quan, đơn vị như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, tòa án, viện kiểm sát, giáo dục và đào tạo, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ các văn bản hướng dẫn của từng bộ, ngành có liên quan và vận dụng Quy chế này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Sở Nội vụ giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh; đồng thời kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.